

**PHỤ LỤC I**  
**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH QUÝ I NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 4 năm 2024 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)*

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI		
		Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyên qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %
			HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Bảo hiểm Xã hội	8.431	295	3,5	8.136	96,5	8.674	243	8.674	0	0	8.674	100	0	0	3.442	0	3.442	39,68
2	Ban Quản lý các KCN	12	0	0	12	100	14	2	14	14	100	0	0	0	0	8	0	8	57,14
3	Công an tỉnh	1.308	1.308	100	0	0	1.308	0	1.308	58	4,43	1.250	95,57	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	2.128	0	0	2.128	100	2.136	8	2.136	2.136	100	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Sở Công Thương	8.039	39	0,49	8.000	99,51	8.158	119	7.704	75	0,97	7.629	99,03	0	0	43	24	19	0,53
6	Sở Du lịch	29	0	0	29	100	30	1	28	28	100	0	0	0	0	27	0	27	90
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	124	0	0	124	100	146	22	143	142	99,3	1	0,7	0	0	10	2	8	6,85
8	Sở Giao thông vận tải	4.545	4.545	100	0	0	4.608	63	4.498	4.289	95,35	208	4,62	1	0,02	452	1	451	9,81
9	Sở Khoa học và CN	15	0	0	15	100	16	1	14	14	100	0	0	0	0	11	0	11	68,75
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.011	892	88,23	119	11,77	1.088	77	1.108	1.107	99,91	1	0,09	0	0	581	0	581	53,4
11	Sở Lao động - TBXH	229	0	0	229	100	264	35	268	268	100	0	0	0	0	14	2	12	5,3
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	78	6	7,69	72	92,31	91	13	74	74	100	0	0	0	0	31	0	31	34,07
13	Sở Nội vụ	103	0	0	103	100	131	28	120	120	100	0	0	0	0	1	0	1	0,76
14	Sở Tài chính	8	6	0	2	25	9	1	8	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Sở Tài nguyên và MT	180	140	77,78	40	22,22	236	56	181	178	98,34	2	1,1	1	0,56	0	0	0	0
16	Sở Tư pháp	2.626	1.054	40,14	1.572	59,86	3.256	630	4.387	4.385	99,95	2	0,05	0	0	3.058	333	2.725	93,92
17	Sở Thông tin và TT	26	0	0	26	100	26	0	24	24	100	0	0	0	0	7	0	7	26,92
18	Sở Văn hóa Thể thao	69	0	0	69	100	69	0	65	65	100	0	0	0	0	28	0	28	40,58
19	Sở Xây dựng	190	0	0	190	100	206	16	73	73	100	0	0	0	0	1	0	1	0
20	Sở Y tế	214	0	0	214	100	320	106	286	286	100	0	0	0	0	1	0	1	0
21	Văn phòng UBND tỉnh	1	1	100	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>29.366</b>	<b>8.286</b>	<b>28,22</b>	<b>21.080</b>	<b>71,78</b>	<b>30.787</b>	<b>1.421</b>	<b>31.113</b>	<b>13.344</b>	<b>42,89</b>	<b>17.767</b>	<b>57,1</b>	<b>2</b>	<b>0,01</b>	<b>7.715</b>	<b>362</b>	<b>7.353</b>	<b>25,06</b>

Ghi chú: Số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa bao gồm:

- Công an tỉnh tiếp nhận 1.308 hồ sơ trực tuyến, Sở KHĐT tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: 892 hồ sơ (do chưa hoàn thiện giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ KHĐT, nên ảnh hưởng đến kết quả thống kê tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh)
- Sở Nội vụ tiếp nhận 103 hồ sơ trực tuyến, trong đó trực tiếp thẩm định: 638 hồ sơ tập thể, 1.506 hồ sơ cá nhân